

## **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng như một văn bản pháp lý xác nhận sự hợp pháp của một doanh nghiệp. Việc hiểu rõ và tuân thủ đúng các quy định liên quan không chỉ giúp các tổ chức, cá nhân thuận lợi hoàn tất thủ tục đăng ký mà còn đảm bảo tính hợp pháp trong hoạt động kinh doanh.*

### **1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là gì?**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thường được gọi là giấy phép đăng ký kinh doanh) là văn bản chính thức do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp, nhằm xác nhận sự hình thành và tư cách pháp lý của doanh nghiệp. Đây có thể là văn bản giấy hoặc bản điện tử, ghi nhận các thông tin cơ bản nhất của doanh nghiệp như tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, và người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đóng vai trò như "giấy khai sinh" của doanh nghiệp, cung cấp cơ sở để các cơ quan chức năng quản lý và kiểm soát hoạt động kinh doanh. Đồng thời, nó cũng xác định quyền sở hữu tên doanh nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý liên quan.
- Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 78/2015/NĐ-CP, cơ quan đăng ký kinh doanh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan này có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không chỉ là điều kiện pháp lý để doanh nghiệp bắt đầu hoạt động mà còn thể hiện sự bảo hộ của Nhà nước đối với quyền

sở hữu tên doanh nghiệp. Đây là tài liệu quan trọng, giúp doanh nghiệp xác lập và khẳng định tư cách pháp nhân trong môi trường kinh doanh.

## **2. Nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Theo Điều 28 Luật Doanh nghiệp 2020, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp;
- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với thành viên hợp danh của công ty hợp danh; đối với chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân. Vốn điều lệ của công ty bằng chữ, bằng số là bao nhiêu, đối với công ty cổ phần có thêm mục mệnh giá cổ phần là bao nhiêu, tổng cổ phần là bao nhiêu.

## **3. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể, các điều kiện bao gồm:

### **3.1. Đối tượng thành lập doanh nghiệp**

Theo Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020, mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp nhằm thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc, hoặc bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ theo quyết định của Tòa án.

### **3.2. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh**

Ngành, nghề đăng ký kinh doanh phải thuộc danh mục ngành, nghề không bị cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật Đầu tư 2020. Điều này đảm bảo doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, sức khỏe cộng đồng và môi trường.

### **3.3. Tên doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định**

Tên doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định tại Điều 37 đến Điều 41 Luật Doanh nghiệp 2020, đảm bảo không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký. Doanh nghiệp cần kiểm tra Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi lựa chọn tên để tránh vi phạm.

### **3.4. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ**

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Nội dung trong hồ sơ cần được kê khai trung thực, chính xác. Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, hồ sơ sẽ có các yêu cầu cụ thể khác nhau.

### **3.5. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp**

Người thành lập doanh nghiệp phải nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ. Việc thanh toán lệ phí có thể được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống của cơ quan đăng ký kinh doanh. Lưu ý, lệ phí đăng ký sẽ không được hoàn trả nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.